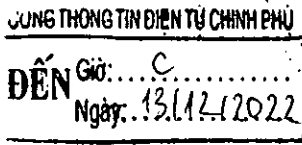


Số: 25/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ



Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 41/1998/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân cấp cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

2. Quyết định số 239/1999/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung, sửa đổi khoản a Điều 1 của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

3. Quyết định số 08/2000/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ.

4. Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về Lãnh sự danh dự của nước ngoài tại Việt Nam.

5. Quyết định số 06/2003/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá IX về giáo dục và đào tạo.

6. Quyết định số 247/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ăn định lượng đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ đảm nhiệm công việc đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm hoặc nặng nhọc, nguy hiểm trong lực lượng Công an nhân dân.

7. Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 Khoá XI, kỳ họp thứ sáu của Quốc hội về giáo dục.

8. Quyết định số 289/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về tiền lương và phụ cấp đối với sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương thuộc Công an nhân dân chuyên ngành.

9. Quyết định số 334/2005/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường biên chế, trang thiết bị và đào tạo cho lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ”.

10. Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2010.

11. Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Quyết định số 238/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát nhân dân trong hoạt động tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông.

13. Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020.

14. Quyết định số 51/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010.

15. Quyết định số 56/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010.

16. Quyết định số 74/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức bắn pháo hoa nhân dịp Tết Nguyên đán, một số ngày kỷ niệm của đất nước, của các địa phương và các ngày hội văn hóa, du lịch, thể thao.

17. Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

18. Quyết định số 115/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

19. Quyết định số 146/2007/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phát hiện, xử lý nguồn phóng xạ nằm ngoài sự kiểm soát.

20. Quyết định số 45/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nghệ thuật biểu diễn Việt Nam đến năm 2010.

21. Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam”.

22. Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng.

23. Quyết định số 67/2010/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở.

24. Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

25. Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

26. Chỉ thị số 35/2004/CT-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý người Việt Nam học tập ở nước ngoài.

27. Chỉ thị số 02/2006/CT-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy.

28. Chỉ thị số 15/2008/CT-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện công tác tạm giữ, tạm giam.

29. Chỉ thị số 24/2008/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong thời kỳ hội nhập.

30. Chỉ thị số 32/2008/CT-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và Nghị quyết số 16/2008/QH12 của Quốc hội.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2022.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2). 110

